TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Nga.

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

-***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hà Ngọc Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2019, tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2018/TLST-KDTM ngày 16/3/2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/ QĐST-KDTM ngày 28/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-KDTM ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần D.

Trụ sở: Khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công ty cổ phần M.

Trụ sở: phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần D và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/01/2016, Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần D đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 02PM/2016/HĐKT. Theo Hợp đồng đã ký, Công ty cổ phần D đồng ý bán bê tông thương phẩm cho Công ty cổ phần M; khối lượng hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của Bên mua. Vào ngày 30 hàng tháng, hai bên cùng đối chiếu xác nhận công nợ để làm cơ sở thanh toán. Việc thanh toán được thực hiện sau khi Bên bán gửi: Giấy đề nghị thanh toán và Hóa đơn GTGT bản gốc; Bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% công nợ vào ngày cuối tháng liền kề.

Từ khi giao kết Hợp đồng, Công ty cổ phần D đã thực hiện nhiều đợt giao bê tông theo yêu cầu của Công ty cổ phần M. Để thực hiện điều khoản thanh toán theo hợp đồng kinh tế nói trên Bên bán và Bên mua đã đối chiếu và xác nhận công nợ chưa thanh toán, tính đến hết ngày 31/5/2016 thì Bên mua còn nợ số tiền gốc là: 640.990.900 đồng.

Sau đó, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ trên, đến ngày 04/8/2016 Công ty cổ phần M gửi Công văn số: 040816/CV.MAC đến Công ty cổ phần D và cam kết sẽ thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ trên trong tháng 10/2016. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty cổ phần M vẫn chưa thanh toán tiền mua hàng còn nợ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/8/2016 và Công văn số: 040816/CV.MAC cho Công ty cổ phần D. Nhận thấy Công ty cổ phần M có hành vi trì hoãn và kéo dài thời gian trả nợ gây ảnh hưởng đáng kể đến lợi ích hợp pháp của Công ty D. Nay, nguyên đơn đề nghị Toà án nhân dân quận Cầu Giấy – Tp. Hà Nội xem xét giải quyết:

1, Buộc Công ty cổ phần M phải thanh toán cho Công ty D số tiền nợ gốc là: 640.990.900 đồng,

2, Lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/3/2017: 42.732.726 đồng, (lãi chậm trả 8%/năm/số tiền chậm trả, tính từ 31/5/2016 đến 31/3/2017).

Tổng số tiền là: 683.723.626 đồng (Sáu trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Về phía Bị đơn là Công ty cổ phần M, Qua thực tế xác minh thì hiện không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật cũng không còn cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu, bị đơn cũng không còn hoạt động tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Do vậy, Tòa án không lấy được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần M phải thanh toán cho Công ty cổ phần D số tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán hàng hóa là 640.990.900 đồng, tiền lãi tính đến ngày 09/8/2019 là 164.663.440 đồng Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Bị đơn Công ty cổ phần M vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì bằng văn bản gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và đường lối giải quyết vụ án:

- Về Tố tụng: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình tranh tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ, thực hiện trình tự cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Kiến nghị Tòa án vi phạm về thời hạn xử lý đơn và thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D. Buộc Công ty cổ phần M phải thanh toán cho Công ty cổ phần D số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ký kết.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

Công ty cổ phần D có trụ sở: Khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Nai.

Công ty M có trụ sở: phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội.

Ngày 31/8/2016, các bên xác nhận công nợ, ngày 21/12/2017, Công ty cổ phần D khởi kiện Công ty M tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, nội dung khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Căn cứ điều 317; điều 319 Luật Thương mại năm 2005. Điều 5; khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Vụ án nằm trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty M có trụ sở theo Đăng ký kinh doanh, nhưng thực tế hiện nay không xác định được nơi Công ty M đang hoạt động hoặc có trụ sở, chi nhánh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng không còn cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu và không xác định được nơi ở thực tế. Do vậy, Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng. Các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ

án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa được thực hiện theo trình tự niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã vắng mặt liên tiếp ba lần tham dự các buổi mở phiên tòa nên căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

Do bị đơn không đến Tòa án thực hiện việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ lời khai các tài liệu do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

Công ty cổ phần D và Công ty M có ký hợp đồng kinh tế số 02PM/2016/HĐKT ngày 11/01/2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm. Hợp đồng mua bán này được người đại diện và đại diện theo ủy quyền của hai bên giao kết, có đóng dấu doanh nghiệp nên hợp đồng này hợp lệ và phù hợp với quy định của pháp luật, có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã cung cấp cho Công ty M số lượng bê tông theo quy chuẩn của hợp đồng kinh tế. Theo các Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty D xuất cho Công ty M vào các ngày 10/02/2016; 29/02/2016; 31/3/2016; 30/4/2016 thì tổng số tiền cả bốn hóa đơn bao gồm cả thuế là 640.990.900 đồng. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/8/2016 giữa hai Công ty và các công văn 125/2016/CV/MAC.MN ngày 25/05/2016; Công văn 040816/CV.MAC ngày 04/08/2016 của Công ty M gửi Công ty D thì đủ cơ sở xác định Công ty M còn nợ Công ty D 640.990.900 đồng là tiền mua bê tông. Công ty M cam kết sẽ trả nợ cho Công ty D cùng với lãi suất chậm trả theo thỏa thuận là 8% năm.

Đến thời điểm hiện tại, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc Công ty M đã trả Công ty D khoản nợ trên. Do vậy, Công ty D khởi kiện đòi Công ty M số tiền còn nợ do mua bán bê tông là phù hợp với điều V của Hợp đồng kinh tế số 02PM/2016/HĐKT ngày 11/01/2016 và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cần buộc Công ty M phải trả nợ.

Xét về khoản lãi chậm trả: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Công ty D và Công ty M đã thống nhất thỏa thuận về mức lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ là 8%/năm. Thỏa thuận này phù hợp với quy định về phạt hợp đồng trong Luật kinh doanh thương mại, phù hợp với quy định về lãi suất trong Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nên chấp nhận.

Theo quy định tại điều V của Hợp đồng kinh tế số 02PM/2016/HĐKT thì thời hạn thanh toán tiền mua bê tông được xác định là: Ngày 30 hàng tháng chốt công nợ, ngày cuối của tháng liền kề thanh toán 100% giá trị quyết toán.

Ngày 30/4/2016, Công ty D xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0001764 cho Công ty M. Đây là hóa đơn cuối cùng của đợt hàng. Ngày 25/05/2016, Công ty M đã có công

văn số 125/2016/CV/MAC.MN xác nhận công nợ và xin được trả nợ vào tháng 7/2016 cùng lãi suất 8%/năm. Như vậy, thời điểm Công ty M phải trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là ngày 31/5/2016. Do Công ty M chưa trả được nợ nên ngày tiếp theo của ngày thanh toán là ngày 01/6/2016, Công ty M phải chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc với mức 8%/năm. Do vậy, yêu cầu buộc Công ty M phải chịu lãi suất chậm trả 8%/năm trên số nợ gốc của Công ty D là phù hợp quy định nên được chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi Công ty M phải chịu là:

01/6/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 09/8/2019 là 03 năm 02 tháng 09 ngày x 8%/năm. Số tiền lãi chậm trả phải chịu là: 162.375.814 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty M còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với toàn bộ số tiền phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí: Công ty M phải nộp án phí Kinh doanh thương mại trên tổng số tiền phải trả, cụ thể, tổng số tiền phải trả là: 640.990.900 đồng + 162.375.814 đồng = 803.366.714 đồng; án phí là: 36.101.000 đồng.

Công ty D không phải chịu án phí và được hoàn trả 15.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Bác các yêu cầu khác; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 50; 297; 306; 317; 319 Luật Thương Mại năm 2005.

-Điều 5; khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; điều 228; điều 271; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần D về yêu cầu Công ty cổ phần M trả nợ tiền mua bê tông theo hợp đồng kinh tế 02PM/2016/HĐKT ngày 11/01/2016 đã ký giữa hai bên.

2. Buộc Công ty cổ phần M phải trả cho Công ty cổ phần D tổng số tiền: 803.366.714 đồng (Tám trăm lẻ ba triệu, ba trăm sáu sáu nghìn, bẩy trăm mười bốn đồng), trong đó: 640.990.900 đồng là tiền nợ của hợp đồng kinh tế 02PM/2016/HĐKT ngày 11/01/2016 theo các Hóa đơn giá trị gia tăng: số 0001530 ngày 10/02/2016; số 0001582 ngày 29/02/2016; số 0001696 ngày 31/3/2016; số

0001764 ngày 30/4/2016 và 162.375.814 đồng là tiền lãi trên số nợ chậm trả kể từ ngày 01/6/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty M tiếp tục phải trả Công ty cổ phần D lãi suất của khoản tiền phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận 8%/năm cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần M phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 36.101.000 đồng (Ba sáu triệu, một trăm linh một nghìn đồng)

Công ty cổ phần D không phải chịu án phí và được hoàn trả 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005750 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Bác các yêu cầu khác.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND quận CG;
- Chi cục THADS quận CG;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Hải